

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 05 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bền;

Ông Trần Minh Sang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đông, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 53/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/02/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị D**, sinh năm 1982.

HKTT: 259B/1 Ấp C, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 164, đường TX 25, phường TX, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình Phúc T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 259B/1 Ấp C, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Hồ Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Đình Phúc T chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu sống hạnh phúc. Đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, về tiền bạc và bất đồng với nhau về quan điểm

sống, đến tháng 10 năm 2021 anh chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, Chị D yêu cầu Tòa cho ly hôn với anh Nguyễn Đình Phúc T.

Về con chung: Có hai con chung tên, Nguyễn Đình Gia T1 - sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Đình Như T2 - sinh ngày 22/11/2015. Hiện nay các cháu đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, Chị D đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 28/03/2022 bị đơn là anh Nguyễn Đình Phúc T trình bày: Anh và Chị D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do anh làm ăn thất bại, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác. Nay Chị D yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con.

Về con chung: Có hai con chung tên, Nguyễn Đình Gia T1 - sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Đình Như T2 - sinh ngày 22/11/2015. Hiện các cháu đang sống với anh và học tập tại thị trấn Tân Hiệp. Do không đồng ý ly hôn, nên anh không yêu cầu giải quyết con chung. Nếu giả sử Tòa cho ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị D, cho Chị D được ly hôn anh T. Về con chung, giao 02 con chung tên Nguyễn Đình Gia T1 - sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Đình Như T2 - sinh ngày 22/11/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T không yêu cầu; Về tài sản chung: tự thỏa thuận phân chia. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Đình Phúc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Thị D và anh Nguyễn Đình Phúc T xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn vào năm 2005 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tại phiên hòa giải ngày 12/04/2022 anh chị thống nhất vợ chồng có mâu thuẫn về tiền bạc và bất đồng với nhau về quan điểm sống, hiện nay anh chị đã sống ly thân. Tuy nhiên Anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ thương con. Nhận thấy trình bày của anh T là không có cơ sở, bởi lẽ từ khi tòa thụ lý vụ án đến khi xét xử anh T không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời anh chị đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2021 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho Chị D được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về con chung: Có hai con chung tên, Nguyễn Đình Gia T1 - sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Đình Như T2 - sinh ngày 22/11/2015. Tại phiên hòa giải và bản tự khai anh T có ý kiến, nếu giả sử Tòa cho ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Chị D cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, Chị D đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị thống nhất được với nhau về việc giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và từ khi anh chị sống ly thân đến nay anh T là người chăm sóc các cháu. Vì vậy, cần giao cháu T1 và T2 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của các cháu là phù hợp tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xét phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hồ Thị D với anh Nguyễn Đình Phúc T
2. Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Đình Gia T1 - sinh ngày 03/4/2009 và Nguyễn Đình Như T2 - sinh ngày 22/11/2015 cho anh Nguyễn Đình Phúc T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi chung do anh T không yêu cầu.

Chị D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Chị Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003909 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Như vậy Chị D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm